

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CTCP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3824 0703

Fax: (84-4) 6278 0136

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Địa chỉ: 01 Ngô Gia Tự, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84-76) 3841548

Fax: (84-76) 3843239

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600

Fax: (84-4) 3726 2601

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 09 năm 2016



THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

1. Thông tin về tổ chức phát hành

- Tên công ty : **Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang**
- Địa chỉ : 01 Ngô Gia Tự, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Vốn điều lệ hiện tại : 182.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi hai tỷ đồng)
- Tổng số cổ phần : 18.200.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh : Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty tập trung ở hai mảng chính là lương thực và kinh doanh xe và phụ tùng xe gắn máy, mua bán phân bón. Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Thông tin về đợt chào bán

- Tổ chức chào bán cổ phần : **Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước**
- Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng chào bán : **5.126.550** cổ phần (chiếm tỷ lệ **28,17%** vốn điều lệ)
- Phương thức chào bán : Chào bán cạnh tranh công khai

3. Tổ chức Tư vấn bán cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600

Fax: (84-4) 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
2.	Rủi ro về luật pháp	8
3.	Rủi ro biến động nguyên vật liệu và rủi ro cạnh tranh.....	8
4.	Rủi ro của đợt chào bán	9
5.	Rủi ro khác	9
II.	CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	10
1.	Tổ chức phát hành	10
2.	Tổ chức tư vấn chào bán cạnh tranh.....	10
III.	CÁC KHÁI NIỆM	11
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	15
4.	Hoạt động kinh doanh	17
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất.....	19
6.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	21
7.	Chính sách đối với người lao động	23
8.	Chính sách cổ tức	24
9.	Tình hình tài chính.....	24
10.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát.....	28
11.	Tài sản.....	29
12.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty:.....	34
V.	THÔNG TIN VỀ VIỆC CHÀO BÁN CẠNH TRANH CỔ PHẦN.....	34
1.	Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được chào bán	34
2.	Mục đích của việc chào bán	34
3.	Địa điểm công bố thông tin.....	35
4.	Điều kiện tham gia chào bán, các quy định liên quan và phương án tổ chức.....	35
5.	Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần.....	37
VI.	THAY LỜI KẾT	37

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	14
Bảng 2: Cơ cấu doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang năm 2013–2015.....	19
Bảng 3: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2013 – 2015	19
Bảng 4: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty	20
Bảng 5: Tỷ lệ cổ tức.....	24
Bảng 6: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang.....	25
Bảng 7: Các khoản phải thu của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang	26
Bảng 8: Các khoản phải trả của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang	26
Bảng 9: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2013– 2015 của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang.....	27
Bảng 10: Danh sách thành viên HĐQT của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang.....	28
Bảng 11: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang	28
Bảng 12: Danh sách Ban kiểm soát của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang.....	28
Bảng 13: Giá trị TSCĐ chủ yếu tại 30/06/2016 của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang	29

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị định 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/06/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Quyết định số 06/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 11/04/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành quy chế bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Quyết định số 16/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 19/4/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2016;
- Nghị quyết số 07/NQ-ĐTKDV.HĐTV ngày 24/2/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
- Công văn số 5544/BTC-TCCB ngày 25/4/2016 của Bộ Tài chính về việc bàn giao công việc và phụ trách Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
- Quyết định số 22/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 29/6/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc giao phụ trách Ban Giám đốc và nhân sự người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
- Hợp đồng số 10/2016/MBS/HCM1-HĐTV ký ngày 30/06/2016 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán MB với Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Quyết định số 367/QĐ-ĐTKDV ngày 01/09/2016 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại CTCP Xuất nhập khẩu An Giang;
- Công văn số 1950/ĐTKDV-CNPN ngày 01/09/2016 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc Hồ sơ chào bán cổ phần của SCIC tại CTCP Xuất nhập khẩu An Giang;
- Theo chấp thuận và phê duyệt của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về Hồ sơ chào bán cạnh tranh phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại CTCP Xuất nhập khẩu An Giang.

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

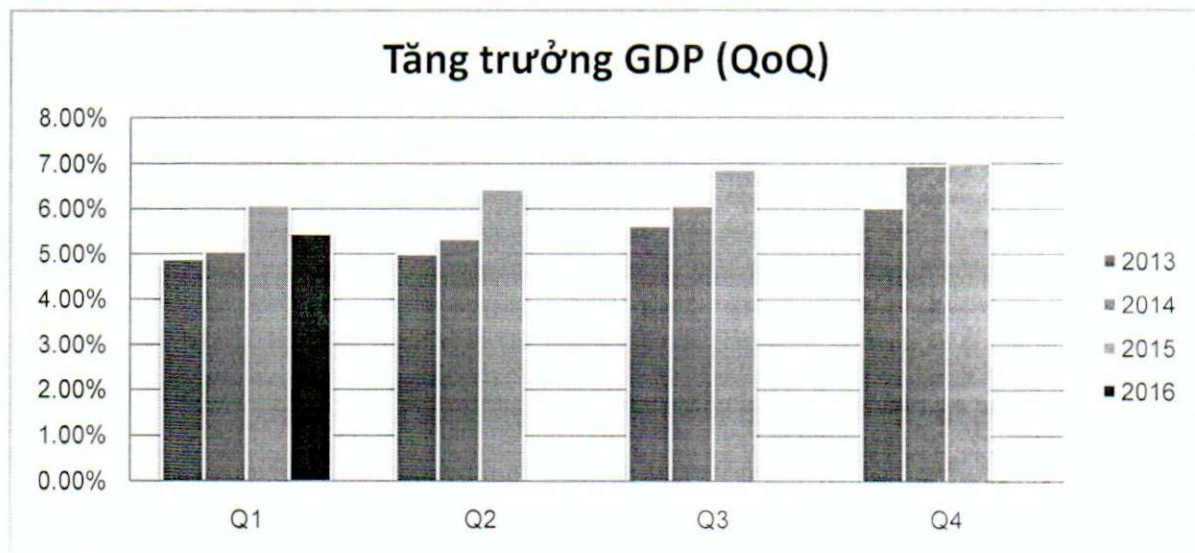
1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang nói riêng.

❖ Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

So với tốc độ tăng GDP 6,12% của cùng kỳ năm 2015, GDP quý 1/2016 tăng 5,46% cho thấy nền kinh tế đang có dấu hiệu chững lại sau một năm tăng tốc trong năm 2015. Nền kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi nhưng chậm và chứa đựng nhiều rủi ro. Kinh tế Nhật Bản và Châu Âu tăng trưởng ở mức thấp, Trung Quốc và một số nền kinh tế mới nổi tiếp tục suy giảm. Sự giảm giá của hàng hóa thế giới, đặc biệt là giá dầu giảm sâu từ giữa năm 2014 và tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm cùng với biến động khó lường của thị trường tài chính, tiền tệ thế giới và Trung Quốc đã tác động tới nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt hoạt động xuất khẩu và thu ngân sách nhà nước.



Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 1/2016 ước tính tăng 5,46% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực dịch vụ đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng chung của nền kinh tế Việt Nam trong quý 1/2016, tăng 6,13%, đóng góp 2,48 điểm phần trăm. Một số ngành chiếm tỷ trọng lớn trong khu vực dịch vụ có mức tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Bán buôn, bán lẻ tăng 7,52%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 5,99%; vận tải, kho bãi tăng 5,56%; thông tin và truyền thông tăng 8,21%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 4,75%; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 3,43%, là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2012-quý 1/2016. Khu vực công nghiệp và xây dựng chỉ tăng 6,72%(yoy), đóng góp 2,33 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong những quý gần đây (tăng trưởng theo Quý của khu vực này trong năm 2015 lần lượt: 8,74%, 9,09%, 9,57%, 9,64%). Chỉ số PMI ba tháng đầu năm lần lượt đạt 51,5 – 50,3 – 50,7, tăng nhẹ so với quý 4/2015 tuy nhiên vẫn phản ánh sự mở rộng không đáng kể của khu vực sản xuất. Bên cạnh đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 1,23%, làm giảm 0,16 điểm phần trăm mức tăng trưởng chung. Nguyên nhân sự sụt giảm của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy

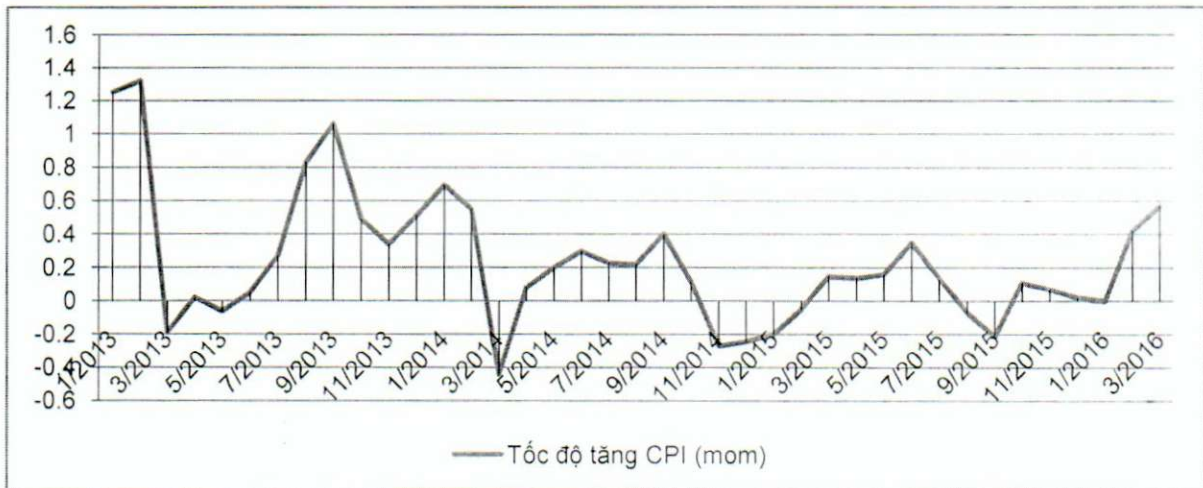
sản chủ yếu do giảm sản lượng lúa vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và cây trồng vụ đông tại miền Bắc.

Sự phát triển của các doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển của nền kinh tế. Sự thay đổi của nền kinh tế phần lớn sẽ gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và định hướng phát triển kinh doanh của các doanh nghiệp.

❖ **Rủi ro lạm phát**

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam diễn ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào như giá xăng dầu, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Đây là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá sự ổn định của kinh tế vĩ mô.

Lạm phát đang có xu hướng tăng trở lại trong 3 tháng đầu năm 2016. Lạm phát toàn phần vượt mức 1% trong tháng 2 và đạt mức 1,69% cuối quý 1/2016. Mức tăng này phần lớn đến từ đợt điều chỉnh giá dịch vụ y tế và giáo dục đầu tháng 3/2016. Giá dịch vụ được điều chỉnh theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. Theo đó đến hết năm 2016, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cần tính đầy đủ chi phí lương, chi phí trực tiếp (chưa tính chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định). Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, điều chỉnh giá thuốc và dịch vụ y tế khiến CPI tăng 1,27 điểm phần trăm trong tháng 3/2016. Nhóm dịch vụ giáo dục đóng góp 0,66 điểm phần trăm do học phí tăng theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015.



Tổng quan có thể thấy rằng lạm phát ở mức thấp tuy nhiên có xu hướng tăng trở lại trong thời gian sắp tới. Nguyên nhân trước hết là do giá năng lượng và nhiều loại hàng hóa đã ở mức thấp kỉ lục và có khả năng sẽ đi ngang hoặc tăng nhẹ. Thứ hai, hiện tượng thời tiết đang tác động bất lợi tới nguồn cung lương thực, có thể khiến giá cao hơn trong thời gian sắp tới. Thứ ba, khả năng tăng giá các nhóm hàng do Nhà nước quản lý: điện, giáo dục, dịch vụ y tế.

❖ **Rủi ro lãi suất**

Trong quý 1/2016, mặt bằng lãi suất khá ổn định và có xu hướng tăng. Mặt bằng lãi suất huy động được các điều chỉnh tăng khoảng 0,1-0,5 điểm % so với cuối năm 2015 và tăng 0,3-0,5 điểm % so với cùng kì năm 2015, tiệm cận mức lãi suất trần 5,5%/năm đối với kì hạn từ 3-5 tháng. Cụ thể, lãi suất huy động các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng phổ biến trong khoảng 4% - 5,5%/năm, trong khi đó với các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên, lãi suất dao động trong khoảng 5,3% - 7,5%/năm. Nguyên nhân lãi suất huy động tăng chủ yếu do các Ngân hàng thương mại đẩy mạnh quy định nhằm cân đối nguồn vốn trước các quy định sửa đổi của Thông tư 06/2016/TT-NHNN có hiệu lực từ 01/07/2016.

Lãi suất cho vay quý 1/2016 tăng nhẹ ở kỳ hạn dài so với cuối năm 2015 (tăng 0,2-0,5 điểm %). Mặt bằng lãi suất với các lĩnh vực ưu tiên phổ biến ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn và 9-10%/năm đối với vay trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn và 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Với rủi ro lạm phát tăng nhanh trở lại, FED có khả năng tăng lãi suất, nhu cầu tín dụng có xu hướng tăng tốc mạnh,.. đã tạo áp lực tăng lãi suất. Tuy nhiên, Thống đốc Ngân hàng nhà nước đã ra chỉ thị 04/CT-NHNN ngày 27/05/2016 yêu cầu tổ chức tín dụng, ngân hàng nước ngoài hạ dần lãi suất cho vay.

Hiện tại ngoài nguồn vốn tự có, Công ty còn thực hiện vay vốn ngân hàng. Do vậy sự biến động về lãi suất sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí tài chính của công ty trong hoạt động kinh doanh.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh tới hoạt động của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi các luật sau: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế xuất nhập khẩu và các quy định liên quan khác. Ngoài ra, Công ty còn chịu tác động của các chính sách và chiến lược của ngành.

Được thành lập theo Luật doanh nghiệp, Công ty chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam. Trước đây hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật và chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi chưa đạt hiệu quả cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn.

Kể từ khi trở thành thành viên của WTO và các hiệp định thương mại tự do khác, Việt Nam phải tuân theo luật chung và chấp nhận các thay đổi về chính sách thuế xuất nhập khẩu với những ưu đãi về thuế quan. Cho đến nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới. Ngoài ra, các sản phẩm của Công ty Xuất nhập khẩu An Giang được xuất khẩu sang các thị trường châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ sẽ chịu ảnh hưởng bởi các luật pháp khác nhau ở mỗi nước, mỗi địa phương.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn phải chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Khi Công ty đã trở thành công ty đại chúng và niêm yết chính thức thì phải tuân theo các quy định của Luật Chứng khoán. Hiện nay các văn bản trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi là khó tránh khỏi, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro biến động nguyên vật liệu và rủi ro cạnh tranh

Rủi ro nguyên liệu đầu vào: nguồn cung mang tính thời vụ và chịu ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, tác động đến chất lượng, sản lượng và giá cả nguyên liệu đầu vào. Ngoài ra, các nguyên liệu đầu vào của Công ty có thể hao hụt ở khâu bảo quản nguyên vật liệu đầu vào, dự trữ hàng tồn kho.

Sự cạnh tranh khốc liệt của các nước xuất khẩu gạo khác như Thái Lan, Myanmar, Pakistan.

Các chính sách, kế hoạch kinh doanh trong từng thời điểm của Công ty Honda Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp đến ngành hàng.

Nền kinh tế thị trường đặt các doanh nghiệp trong sự cạnh tranh gay gắt và rủi ro, cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp nội địa cùng ngành trong xuất khẩu và thu mua lúa gạo như đầu cơ, ghim hàng chờ giá lên cao, hoặc đìm giá gạo xuống thấp.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức chào bán, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Ngoài ra, những vấn đề về chính trị như bất ổn ở Biển Đông, bạo động và đình công ở các doanh nghiệp cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam và tình hình tài chính. Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

Địa chỉ : 01 Ngô Gia Tự, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại : (84-76) 3 841 548

Fax: (84-76) 3 843 239

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã thu thập một cách hợp lý. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

2. Tổ chức tư vấn chào bán cạnh tranh

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ : Số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3726 2600

Fax: (84-4) 3726 2601

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang do Công ty Cổ Phần Chứng khoán MB (“MBS”) tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 10/2016/MBS/HCM1-HĐT/V ký ngày 30/06/2016 giữa Công ty Cổ Phần Chứng khoán MB (MBS) với Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang cung cấp. Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- BKS Ban kiểm soát
- BCKT Báo cáo kiểm toán
- BCTC Báo cáo tài chính
- CBTT Công bố thông tin
- CNĐKKD Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Công ty Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang
- CTCP Công ty cổ phần
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- GDP Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa
- HĐQT Hội đồng quản trị
- TMCP Thương mại cổ phần
- TSCĐ Tài sản cố định
- UBND Ủy ban Nhân dân
- SCIC Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty là Công ty Ngoại thương An Giang được thành lập vào năm 1976 theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 23/07/1976.

Năm 1979, Công ty đổi tên thành Công ty Liên hiệp Xuất nhập khẩu tỉnh An Giang, trụ sở tại thị xã Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Năm 1982, thành lập Trạm giao nhận TP. Hồ Chí Minh (nay là Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh).

Năm 1988, đổi tên thành Liên hiệp Công ty Xuất nhập khẩu tỉnh An Giang, trong năm này Công ty được Bộ Kinh tế đối ngoại cho phép kinh doanh xuất khẩu trực tiếp.

Năm 1991, góp vốn thành lập Công ty liên doanh ANGIMEX – KITOKU.

Năm 1992, đổi tên thành Công ty Xuất nhập khẩu An Giang.

Năm 1998, thành lập đại lý ủy nhiệm đầu tiên của Honda Việt Nam.

Năm 2000, thành lập đại lý ủy nhiệm thứ hai của Honda Việt Nam.

Năm 2006, thành lập đại lý ủy nhiệm thứ ba của Honda Việt Nam.

Năm 2007, Công ty góp vốn với Công ty TNHH SAGICO kinh doanh bán lẻ qua hệ thống siêu thị.

Ngày 01/01/2008: Công ty chuyển sang công ty cổ phần với vốn điều lệ là 58,285 tỷ đồng. Cũng trong năm này, Công ty thành lập Nhà máy Gạo an toàn, thương hiệu gạo Jasmine Châu Phú xuất hiện trên thị trường với sự hợp tác giữa Angimex và Saigon Co.op.

Năm 2009, nhãn hàng gạo An Gia, Mực Đồng của Angimex ra mắt thị trường nội địa.

Tháng 02/2011, Công ty tăng vốn điều lệ lên 174.855.000.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thường.

Tháng 04/2011, Công ty tăng vốn điều lệ lên 182.000.000.000 đồng thông qua chương trình phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ nhân viên (ESOP).

Tháng 07/2011, Công ty là đơn vị đầu tiên được Bộ Công thương cấp phép theo Nghị định 109 của Chính phủ về việc xem xét đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo.

Tháng 03/2012, hoàn thành dự án “Kho trữ lúa, hệ thống sấy lúa tươi, xay xát và sản xuất thành phẩm” tại xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 04/2012.

Ngày 14/12/2012, 18,2 triệu cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là AGM. Đồng thời, trong tháng 12/2012, Công ty khai trương Cửa hàng gạo Angimex tại Tp.Long Xuyên.

Tháng 04/2013, Công ty khai trương Cửa hàng gạo Angimex tại Tp.Hồ Chí Minh.

Năm 2014, Công ty khai trương Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Angimex tại phường Mỹ Thới,

Tp.Long Xuyên, An Giang.

Tháng 7/2015, nhà máy sản xuất và chế biến lúa gạo Đa Phước đi vào hoạt động.

Tháng 9/2015, Công ty khởi công xây dựng Cửa hàng Thương mại – Dịch vụ Angimex Châu Đốc và đi vào hoạt động từ tháng 1/2016.

Tháng 12/2015, sản phẩm gạo của Công ty tiếp tục được bình chọn “ Hàng Việt Nam chất lượng cao 2015”.

Tháng 1/2016, Trung tâm phát triển vùng nguyên liệu của Công ty nhận bằng khen về việc đã đóng góp trong việc thực hiện liên kết sản xuất xây dựng vùng nguyên liệu theo mô hình “Cánh đồng lớn” tại An Giang.

Là một doanh nghiệp tiêu biểu của tỉnh An Giang nói riêng và của Việt Nam nói chung, Công ty đã trải qua bề dày lịch sử hình thành và phát triển hơn 40 năm, với đội ngũ cán bộ, nhân viên giàu kinh nghiệm, tận tâm, nhiệt huyết, năng động, sáng tạo, Công ty đã đạt được một số thành tích nổi bật như:

- ✓ Luôn nằm trong Top những công ty hàng đầu cả nước về xuất khẩu gạo;
- ✓ Liên tục được Bộ Công thương công nhận Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín từ năm 2004 đến năm 2014;
- ✓ Luôn được xếp trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam;
- ✓ Top 45 Công ty hoạt động xuất sắc nhất năm 2015 do Honda bình chọn;
- ✓ Và nhiều danh hiệu, giải thưởng cao quý khác của các cơ quan Trung ương và địa phương An Giang.

1.2. Giới thiệu về Công ty

Tổ chức phát hành	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Tên giao dịch đối ngoại	AN GIANG IMPORT – EXPORT COMPANY
Tên viết tắt	ANGIMEX
Mã chứng khoán	AGM
Trụ sở chính	01 Ngô Gia Tự, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	(84-76) 3841548 – 3844920
Fax	(84-76) 3843239 – 3945565
Vốn điều lệ	182.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi hai tỷ đồng)

Ngành, nghề kinh doanh:

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600230737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An

Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/12/2007, đăng ký thay đổi lần 21 ngày 20/04/2016 ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- ✓ Xây xát và sản xuất bột thô;
- ✓ Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- ✓ Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- ✓ Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- ✓ Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- ✓ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- ✓ Một số hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

1.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

Stt	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	18.199.990	100,00
1	Tổ chức	15.187.200	83,45
	<i>Trong đó cổ đông nhà nước</i>	<i>5.126.550</i>	<i>28,17</i>
2	Cá nhân	3.012.790	16,55
II	Cổ đông nước ngoài	10	0,00
1	Tổ chức		0,00
2	Cá nhân	10	0,00
	Tổng cộng	18.200.000	100%

Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2015 của AGM

Trong đó, cổ đông Nhà nước là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) nắm giữ 5.126.550 cổ phần, tương ứng chiếm 28,17% vốn điều lệ của Công ty.

1.4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

- ✓ *Danh sách những công ty mẹ của Công ty:*

Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Nguyễn Kim

- ✓ *Danh sách những công ty con của Công ty:*

Không có

- ✓ *Danh sách những công ty mà tổ chức chào bán nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:*

Không có

- ✓ *Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức chào bán:*

Không có

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hiện nay CTCP Xuất nhập khẩu An Giang được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 26/11/2014. Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang là Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 01 Ngô Gia Tự, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Điện thoại : (84-76) 3841548 – 3844920 Fax: (84-76) 33843239 – 3945565
- Website : www.angimex.com.vn

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- ✓ Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- ✓ Báo cáo của Ban kiểm soát;
- ✓ Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- ✓ Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- ✓ Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- ✓ Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã xin ý kiến biểu quyết của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- ✓ Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- ✓ Lựa chọn công ty kiểm toán;
- ✓ Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;

- ✓ Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- ✓ Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- ✓ Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đó được kiểm toán gần nhất;
- ✓ Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- ✓ Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế khác của Công ty.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị của Công ty. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- ✓ Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- ✓ Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- ✓ Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- ✓ Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- ✓ Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- ✓ Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- ✓ Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- ✓ Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế khác của Công ty.

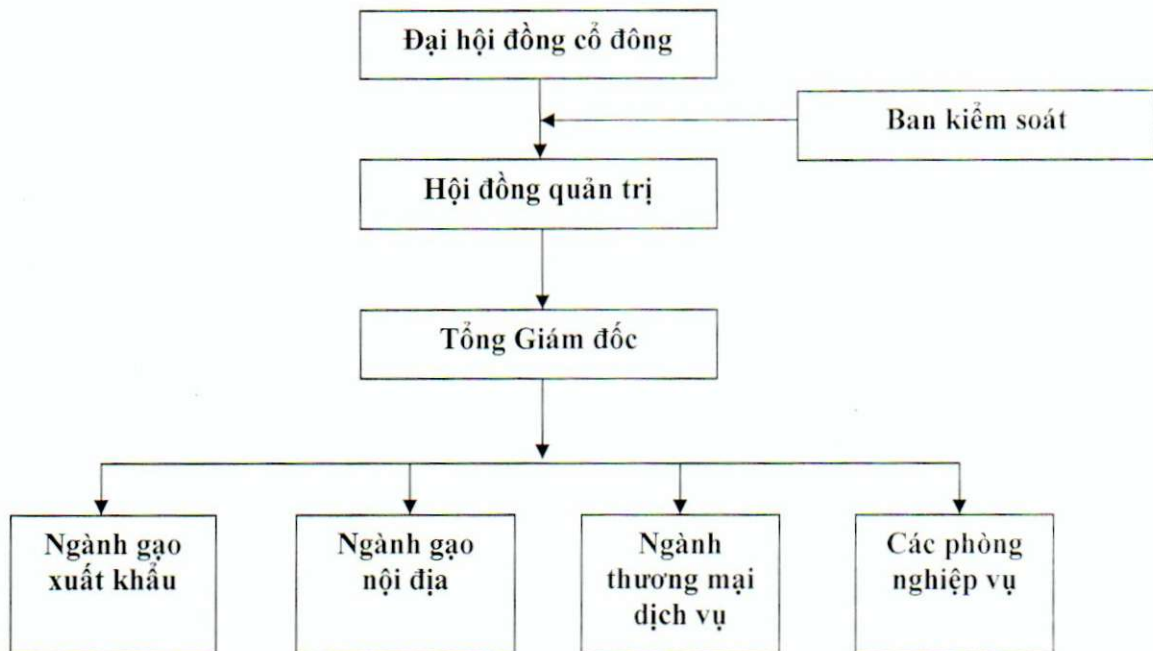
Ban kiểm soát: Ban kiểm soát (BKS) do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có những quyền hạn và trách nhiệm chính sau:

- ✓ Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- ✓ Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- ✓ Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- ✓ Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận và đưa ra Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

- ✓ Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế khác của Công ty.

Tổ chức bộ máy quản lý: Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Sơ đồ bộ máy tổ chức của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang



Nguồn: AGM

4. Hoạt động kinh doanh

4.1. Sản phẩm/dịch vụ chủ yếu

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty tập trung ở hai mảng chính là lương thực và thương mại – dịch vụ: kinh doanh xe và phụ tùng xe gắn máy Honda thông qua hệ thống cửa hàng ủy nhiệm (Head) của Honda Việt Nam; thuốc bảo vệ thực vật, phân bón. Chi tiết như sau:

- Đối với mảng kinh doanh lương thực, Công ty tổ chức thu mua, chế biến lúa gạo tiêu thụ tiêu thụ nội địa, cung ứng, xuất khẩu trực tiếp. Các sản phẩm xuất khẩu chính của Công ty bao gồm các loại như gạo thơm, gạo lứt, gạo nếp, gạo trắng, gạo Jasmine các loại 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35% tấm và gạo tấm. Ngoài ra, Công ty đã phát triển 02 nhãn hàng gạo tiêu dùng trong nước là An Gia và Mực Đồng. Bên cạnh đó, Công ty còn tận dụng kinh doanh một số mặt hàng có liên quan đến gạo như tấm, cám... Doanh thu từ mảng kinh doanh lương thực chiếm gần 80% tổng doanh thu trong giai đoạn 2013-2015.
- Đối với mảng kinh doanh xe và phụ tùng xe gắn máy với hình thức là mua xe trực tiếp từ Công ty Honda Việt Nam và phân phối lại cho người tiêu dùng. Trong những năm qua, tỷ trọng xe và phụ tùng xe bình quân chiếm khoảng 20% tổng doanh thu giai đoạn 2013-2015.

Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh một số loại nông sản, vật tư nông nghiệp khác như lúa giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, dịch vụ,..., tỷ trọng doanh thu của các mặt hàng này trong tổng

doanh thu hàng năm là không đáng kể, bình quân chưa tới 0,5%.

4.2. Năng lực sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất chính của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực chế biến lương thực, trong đó chủ yếu là gạo. Công ty có 08 phân xưởng và 01 nhà máy chuyên thu mua - sản xuất với năng lực sản xuất hiện nay đạt 250.000 tấn gạo/năm, hệ thống nhà máy chế biến lương thực với thiết bị hiện đại được phân bố tại các vùng nguyên liệu trọng điểm, giao thông thuận lợi, tổng sức chứa kho 100.000 tấn. Với kỳ vọng lợi nhuận tăng cao trong tương lai, Công ty có kế hoạch nâng cao sức chứa kho và công suất thiết bị để gia tăng sản lượng gạo thơm, gạo chất lượng cao... đáp ứng nhu cầu các thị trường Châu Âu, Châu Mỹ, Trung Đông. Trong năm 2015, nhà máy sản xuất và chế biến lúa gạo Đa Phước đi vào hoạt động. Với sức chứa 12.000 tấn, hệ thống sấy 300 tấn lúa/ngày, kết hợp với dây chuyền xay xát, lau bóng, tách màu với công suất 15-20 tấn/giờ đã góp phần nâng cao năng lực sản xuất của Công ty.

Đối với hoạt động kinh doanh xe gắn máy, Công ty đã phát triển được 03 Head do Honda Việt Nam ủy nhiệm, 01 Trung tâm bảo dưỡng và dịch vụ, 03 cửa hàng chuyên kinh doanh xe gắn máy, phụ tùng chính hiệu Honda, cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì và sửa chữa.

4.3. Thị trường

Thị trường đầu ra sản phẩm của Công ty bao gồm nội địa và xuất khẩu trong đó xuất khẩu gạo là chủ yếu, chiếm bình quân khoảng 77% doanh thu mỗi năm trong giai đoạn 2013-2015.

Đối với kinh doanh lương thực, Công ty có địa bàn hoạt động trải đều trên các huyện/thị/thành thuộc tỉnh An Giang và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long... Là một trong số ít những doanh nghiệp gạo đi đầu trong ngành gạo tại khu vực miền Tây Nam Bộ với chất lượng sản phẩm của Công ty được đảm bảo, thương hiệu, uy tín, lâu năm. Công ty được nhiều thị trường biết đến và được nhiều khách hàng lựa chọn. Hoạt động xuất khẩu gạo của Công ty trong năm 2015 phân bố theo châu lục với tỷ trọng như sau:

ĐVT: %

Châu Á		Châu Phi		Châu Âu		Châu Đại Dương		Châu Mỹ		Tổng cộng	
Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
83,47	80,53	8,34	10,31	6,31	6,53	0,09	0,13	1,79	2,5	100	100

Thị trường của Công ty chủ yếu nằm ở Châu Á, chiếm 83,47% về khối lượng và 80,53% về giá trị. Ngoài thị trường chủ lực ở châu Á, sản phẩm của Công ty còn xuất khẩu tới Châu Phi, một thị trường chiếm tỷ trọng đáng kể trong hoạt động xuất khẩu gạo, chiếm 8,34% về khối lượng và 10,31% về giá trị.

Đối với kinh doanh xe gắn máy, trong 03 Head do Honda ủy nhiệm, 02 Head hoạt động kinh doanh tại thành phố Long Xuyên, 01 Head tại thị xã Châu Đốc. Công ty có 01 Trung tâm bảo dưỡng và dịch vụ hoạt động kinh doanh tại thành phố Long Xuyên, và 01 cửa hàng chuyên kinh doanh xe gắn máy các loại, phụ tùng tại huyện Thoại Sơn.

4.4. Cơ cấu doanh thu

Doanh thu chính của Công ty đến từ bán hàng nông sản, chủ yếu là gạo các loại, với tỷ trọng bình quân trên tổng doanh thu giai đoạn 2013 – 2015 là 77,26%, tiếp đến là hoạt động kinh doanh mua bán xe gắn máy và phụ tùng chiếm tỷ trọng bình quân 22,50% trên tổng doanh thu. Các hoạt động

kinh doanh khác, đóng góp không đáng kể vào doanh thu chung của Công ty.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang năm 2013–2015

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Lũy kế Q2/2016	
	Giá trị (trđ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (trđ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (trđ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (trđ)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng nông sản	1.383.133	78,14	1.317.004	74,79	1.656.115	78,34	683.941	74,93
Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	379.802	21,46	438.666	24,91	450.079	21,29	228.802	25,07
Doanh thu khác	7.226	0,41	5.361	0,30	7.850	0,37	-	-
Tổng cộng	1.770.161	100	1.761.031	100	2.114.044	100	912.743	100

Nguồn: BCTC các năm 2013 – 2015 đã kiểm toán và BCTC Bán niên 2016 đã được soát xét

4.5. Cơ cấu chi phí

Bảng 3: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2013 – 2015

Yếu tố	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Lũy kế Q2/2016	
	Giá trị(trđ)	Tỉ trọng	Giá trị(trđ)	Tỉ trọng	Giá trị(trđ)	%/ DTT	Giá trị(trđ)	Tỉ trọng
Giá vốn hàng bán	1.673.844	92,18	1.655.489	92,38	1.960.995	92,36	854.704	93,13
Chi phí bán hàng	70.427	3,88	84.512	4,72	112.992	5,32	44.385	4,84
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.085	1,22	16.755	0,93	19.404	0,91	7.097	0,78
Chi phí tài chính	39.461	2,17	35.200	1,96	28.422	1,34	11.266	1,23
Chi phí khác	10.104	0,56	82	0,00	1.418	0,07	251	0,03
Tổng cộng	1.815.921	100	1.792.038	100	2.123.231	100	917.703	100

Nguồn: Tổng hợp BCTC các năm 2013 – 2015 đã kiểm toán và BCTC Bán niên 2016 đã được soát xét.

5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất

5.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

Bảng 4: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

Các chỉ tiêu tài chính	Đvt	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Đến Quý 2/2016
Tổng tài sản	đồng	1.020.132.773.677	733.822.787.556	791.635.431.424	777.911.946.088
Vốn chủ sở hữu	đồng	359.750.990.951	345.784.300.986	383.242.057.569	344.776.111.537
Vốn điều lệ	đồng	182.000.000.000	182.000.000.000	182.000.000.000	182.000.000.000
Doanh thu thuần	đồng	1.769.993.874.442	1.760.524.887.330	2.091.626.547.123	912.662.577.054
Lợi nhuận trước thuế	đồng	40.698.672.242	6.111.102.241	60.087.068.603	1.384.348.077
Lợi nhuận sau thuế	đồng	31.991.091.511	5.186.310.035	47.357.756.583	1.282.053.968
Nợ/Tổng tài sản	%	64,7	52,9	51,6	55,7
Biên lợi nhuận gộp	%	5,4	6,0%	6,2	6,4
Biên lợi nhuận ròng	%	1,8	0,3%	2,3	0,1
ROA	%	3,1	0,7%	6,0	0,2
ROE	%	8,9	1,5	12,4	0,4
BV	đồng	19.767	18.999	21.057	18.944
EPS	đồng	1.758	241	2.602	70

Nguồn: Tổng hợp BCTC các năm 2013 – 2015 đã kiểm toán và BCTC bán niên 2016 đã được soát xét

5.2. Thuận lợi, khó khăn

Thuận lợi

Giai đoạn 2014-2015, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc tài chính, nhằm ổn định nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tiết giảm chi phí trong giai đoạn khó khăn, đồng thời nâng chất lượng sản phẩm, tiếp tục giữ vững thương hiệu Angimex đối với người tiêu dùng.

Công ty là một trong số những doanh nghiệp thường xuyên nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ phía lãnh đạo tỉnh An Giang, các Sở ban ngành của tỉnh.

Thương hiệu Angimex được nhiều khách hàng trong và ngoài nước biết đến và tin tưởng lựa chọn sử dụng qua các năm. Bên cạnh đó, Công ty đang ngày càng mở rộng các mối quan hệ với nhiều khách hàng trong nước và quốc tế.

Thị trường xuất khẩu được mở rộng sang nhiều nước Châu Âu. Hệ thống phân phối gạo nội địa ngày càng rộng lớn với hơn 300 điểm bán tại khu vực Nam bộ.

Mặc dù, hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành nói chung và của Công ty nói riêng đã và đang

gặp phải nhiều khó khăn. Tuy nhiên, đội ngũ Ban lãnh đạo Công ty vẫn hết sức tận tâm, nhiệt tình, nỗ lực trong việc đưa ra các chính sách, biện pháp nhằm đưa Công ty vượt qua thời kỳ khó khăn này.

Khó khăn

Kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn và biến động, các yếu tố vĩ mô vẫn chưa được cải thiện rõ rệt. Thị trường tiêu thụ gạo diễn biến rất phức tạp, cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành trong và ngoài nước.

Bất ổn chính trị trong khu vực (Đông Á, Biển Đông,...) ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu gạo.

Nguồn cung mang tính thời vụ và chịu ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, tác động đến chất lượng, sản lượng và giá cả nguyên liệu đầu vào. Thêm vào đó, nguồn cung dồi dào từ Ấn Độ, Thái Lan, các nước xuất khẩu cạnh tranh giảm giá bán và tồn kho gạo thế giới đầu năm 2015 gây ảnh hưởng trực tiếp giá gạo xuất khẩu Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng.

Tình hình thị trường tiêu thụ truyền thống như Philippine, Indonesia, Malaysia giảm nhập khẩu do thực hiện chương trình tự túc lương thực. Bên cạnh đó, tiêu thụ gạo trong nước còn gặp khá nhiều khó khăn, sản lượng xuất khẩu gạo cả nước giảm, gây tác động mạnh mẽ đến sản lượng tiêu thụ gạo của Công ty.

6. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

6.1. Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam là nước có nền kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, đồng thời trong thời gian qua nước ta luôn là nước nằm trong Top 3 các quốc gia xuất khẩu gạo lớn trên thế giới. Do đó, ngành sản xuất, xuất khẩu gạo đóng vai trò khá quan trọng trong nền kinh tế của đất nước.

Tổng sản lượng lúa cả năm 2015 ước tính đạt 45,2 triệu tấn, tăng 240,9 nghìn tấn so với năm 2014. Trong đó, Đồng bằng sông Cửu Long, sản xuất đạt 31,3 triệu tấn lúa, tương đương 69% tổng sản lượng của cả nước. Đồng bằng sông Cửu Long cung cấp 90% gạo xuất khẩu của Việt Nam. Mục tiêu là sẽ giảm tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch xuống 05 - 06% sản lượng vào năm 2020.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, trồng trọt có mức tăng trưởng thấp nhất so với cùng kỳ năm ngoái (+1,56%). Lĩnh vực trồng trọt đạt mức tăng trưởng thấp so với các năm gần đây chủ yếu do sản lượng một số cây trồng năm 2015 đạt mức tăng thấp, như: Lúa tăng 0,5%, ngô tăng 1,5%, sắn 2,5%, trong khi đó sản lượng một số cây công nghiệp hàng năm lại giảm như: Mía giảm 7,6%, thuốc lá giảm 19,4%, bông giảm 55,2%, đậu tương giảm 6,5%. Sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm có tăng, nhưng mức tăng không nhiều, riêng chỉ có sản lượng hạt tiêu là tăng mạnh đạt 11,3%.

Bên cạnh đó, Việt Nam có 100 nhà xuất khẩu gạo, bán 1/5 tổng khối lượng gạo mậu dịch trên toàn cầu. Khối lượng gạo xuất khẩu năm 2015 ước đạt 6,7 triệu tấn và 2,85 tỷ USD, tăng 5,8% về khối lượng nhưng giảm 2,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014.

Tình hình thị trường gạo thế giới tiếp tục chịu áp lực bán hạ giá còn tiếp tục sụt giảm trong thời gian tới. Việt Nam sẽ phải chấp nhận cạnh tranh quyết liệt nhất là với Thái Lan về gạo thơm và gạo trắng. Lợi thế của Việt Nam là khả năng cạnh tranh của gạo thơm, gạo trắng chất lượng cao ở châu Phi và nhu cầu từ các thị trường gần, giao hàng nhanh ở Đông Nam Á. Thị trường châu Phi đang là thị trường rất tiềm năng cho các doanh nghiệp gạo của Việt Nam nói chung và cho Công ty nói riêng, bởi châu Phi có dân số hơn 1 tỷ người, nhu cầu tiêu thụ là rất lớn. Tuy nhiên, đối với thị trường này các doanh nghiệp có thể gặp phải rủi ro thanh toán, bởi các nhà nhập khẩu châu Phi với

năng lực thanh toán có hạn thường xuyên đề nghị mua gạo trả chậm từ 30 đến 90 ngày. Các thị trường có sự tăng trưởng mạnh là thị trường Malaysia tăng 10,55% về khối lượng và tăng 1,12% về giá trị, vươn lên vị trí thứ 3 về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam, chiếm 8,11% thị phần; thị trường Indonesia tăng 47,86% về lượng và tăng 26,71% về giá trị, đứng vị trí thứ 4 về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam; thị trường Gana tăng 17,62% về khối lượng và tăng 8,70% về giá trị, đứng vị trí thứ 5 về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam; thị trường Bồ Đào Nha tăng 43,01% về khối lượng và tăng 26,67% về giá trị, đứng thứ 6 về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam. Đáng chú ý là 11 tháng đầu năm 2015 thị trường Nga có sự tăng trưởng đột biến, tăng gấp 2,04 lần về khối lượng và tăng 81,53% về giá trị. Các thị trường có sự giảm đột biến trong 11 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm 2014 là Phillipin (giảm 19,66% về khối lượng và giảm 27,19% về giá trị), Singapore (giảm 35,59% về khối lượng và giảm 33,92% về giá trị), Hồng Kông (giảm 27,45% về khối lượng và giảm 35,54% về giá trị) và Hoa Kỳ (giảm 29,3% về khối lượng và giảm 24,14% về giá trị).

Như vậy, với những diễn biến hiện tại của ngành, Công ty sẽ phải có những chính sách kinh doanh linh động hơn, phù hợp hơn để có thể thích nghi tốt hơn và hạn chế tối đa những tác động từ thị trường nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, ngành còn một số thách thức có thể đề cập như theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, hết năm 2015 thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam chủ yếu là Trung Quốc, chiếm khoảng 30%. Điều này là một trong những quan ngại lớn bởi sự tác động của chính trị trong thời gian vừa qua cho thấy thị trường này tiềm ẩn khá nhiều rủi ro. Do đó, các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty nói riêng cần chủ động tìm kiếm, mở rộng thị trường hơn nữa để phân tán độ rủi ro, nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Cũng theo phân tích từ VFA, trong những tháng đầu năm 2014, thị trường gạo được dẫn dắt bởi Thái Lan khi nước này đã khôi phục thị trường và trở thành nguồn cung hấp dẫn nhất thế giới với giá rất cạnh tranh và thấp nhất trong các nguồn cung cấp chính hiện nay. Đây là thách thức lớn đối với ngành xuất khẩu gạo Việt Nam khi nguồn cung ngày càng dồi dào trong khi đó sự cạnh tranh giảm giá bán là ngày càng gay gắt.

Thêm vào đó, theo Tổ chức Lương Nông Liên Hợp Quốc (FAO) dự báo sản lượng gạo thế giới trong năm 2016 không thay đổi nhiều so với năm 2014 với khoảng 493 triệu tấn, giảm 0,4%, trong khi tiêu thụ là khoảng 500 triệu tấn tăng 1,1%; lượng gạo tồn kho của thế giới lại giảm 3,5% tương đương với 164 triệu tấn.

Ngoài ra, ngành nông nghiệp của nước ta vẫn phụ thuộc vào thị trường thế giới ở các yếu tố sản xuất như giống, thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị, công nghệ... Trong khi đó, thị trường xuất khẩu của Việt Nam lại là những thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc, châu Âu... tiêu chuẩn chất lượng, kiểm tra sản phẩm tại các thị trường trên là khá chặt chẽ. Do đó, để có thể đáp ứng nhu cầu khó tính của thị trường các doanh nghiệp cần có những quy trình, công nghệ khép kín, kỹ thuật cao nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

6.2. Triển vọng Công ty

Công ty có đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, đội ngũ bán hàng dày dặn kinh nghiệm trong nhiều năm qua; có mối quan hệ mua bán với nhiều doanh nghiệp lớn có sự ổn định lâu dài; là đơn vị kinh doanh trong nhiều năm có lãi được các Ngân hàng hỗ trợ về tài chính.

Theo Nghị định 109/2010/NĐ-CP ngày 04/11/2010 của Chính phủ và Thông tư 44/2010/TT-BTC quy định chi tiết về kinh doanh xuất khẩu gạo có quy định doanh nghiệp muốn kinh doanh xuất khẩu gạo phải đáp ứng quy định kho bãi với sức chứa 5.000 tấn và công suất xay xát trên 10 tấn thóc/giờ. Trong khoảng 250 doanh nghiệp xuất khẩu gạo hiện nay thì có khoảng 80 doanh nghiệp

xuất khẩu 5.000 tấn/năm. Trong năm 2011, Công ty là doanh nghiệp đầu tiên trong cả nước được cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo theo Nghị định 109/2010/NĐ-CP ngày 4/11/2010 của Chính phủ và nhiều năm liền vẫn vững vàng ở vị trí top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn nhất Việt Nam. Năm 2015, số lượng gạo xuất khẩu của Công ty đạt 149.000 tấn, tăng 31% so với cùng kỳ; doanh thu đạt 1.433 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ. Tỷ trọng gạo chất lượng cao ngày càng tăng, chiếm hơn 30% trong tổng khối lượng xuất khẩu năm 2015, tăng 37% so với cùng kỳ.

Với bề dày lịch sử phát triển, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh lương thực với hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ và dịch vụ chuyên nghiệp, Công ty cung cấp các sản phẩm luôn thỏa mãn nhu cầu khách hàng trong nước và quốc tế, trong đó có những thị trường khó tính như Châu Âu, Châu Mỹ... Do vậy, thương hiệu Angimex ngày càng được khẳng định trên thị trường.

Công ty nằm trong Top những công ty hàng đầu cả nước về xuất khẩu gạo, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Thị trường xuất khẩu gạo của Công ty ngày càng được mở rộng sang nhiều nước châu Âu với sản lượng tăng 25 lần trong năm 2015 so với năm 2013. Hệ thống phân phối gạo nội địa đạt 300 điểm bán tại khu vực Nam bộ. Ngoài ra, Công ty đã phát triển hệ thống kinh doanh lúa giống với hơn 90 đại lý thuộc các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

7. Chính sách đối với người lao động

7.1. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

Chính sách lương

- Chính sách lương: người lao động được trả lương theo hiệu quả công việc tương ứng với từng vị trí/chức danh được phân công.
- Chính sách thưởng: Công ty có chính sách tính thưởng cho người lao động căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị và đánh giá xếp loại KPI (hiệu quả công việc) của từng cá nhân. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách khen thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có sáng kiến, cải tiến được áp dụng trong công việc, mang lại hiệu quả cho Công ty.

Chế độ phúc lợi xã hội

Ngoài những chính sách, chế độ theo quy định của Pháp luật, Công ty còn áp dụng các chính sách khác đối với người lao động như:

- Trợ cấp ốm đau, tai nạn, nghỉ hậu sản, hiếu hi...
- Trang bị mới đồng phục, phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng bộ phận, công việc nhằm đảm bảo an toàn trong sản xuất.
- Khen thưởng thành tích học giỏi đối với con của người lao động và tạo điều kiện cho tham gia thực tập thực tế tại các đơn vị trong Công ty.
- Công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện, môi trường làm việc và nghỉ ngơi đối với người lao động.

7.2. Chính sách đào tạo

Công tác đào tạo: gồm đào tạo bên ngoài và nội bộ với nội dung chuyên sâu về quản lý điều hành, chuyên môn nghiệp vụ... Thường xuyên mở các buổi hội thảo chuyên đề có thực hành tại các phòng ban, đơn vị sản xuất, hỗ trợ một phần học phí cho người lao động tự học.

Công tác tuyển dụng thực hiện theo kế hoạch hàng năm và theo chiến lược phát triển trong từng giai đoạn. Các chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển dụng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

7.3. Các hoạt động đoàn thể xã hội

Công ty luôn chú trọng các hoạt động đoàn thể để nâng cao tinh thần đoàn kết cho CBCNV của Công ty. Vào các ngày lễ, Công ty đều có những hoạt động kỷ niệm để chào mừng. Các ban, ngành, đoàn thể tại Công ty luôn được lãnh đạo tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động tốt. Các hoạt động đoàn thể của công ty ngày một ổn định, sinh động góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV.

8. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật. HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới và kiến nghị mức cổ tức được trả để trình ĐHCĐ quyết định.

Bảng 5: Tỷ lệ cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016 (dự kiến)
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	10%	5%	20%	10%

Nguồn: AGM

9. Tình hình tài chính

9.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

9.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 – 20 năm

- Máy móc, thiết bị 03 – 08 năm
- Phương tiện vận chuyển 06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng 03 – 05 năm
- Phần mềm vi tính 03 - 05 năm

9.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Không phát sinh.

9.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

CTCP Xuất nhập khẩu An Giang thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định về thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân, phí và lệ phí...

Bảng 6: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Quý 2/2016
1	Thuế và khoản phải nộp nhà nước	11.043.224.065	148.799.474	8.861.319.044	360.808.362
2	Thuế TNDN hiện hành	8.707.580.731	947.404.514	12.664.580.834	39.132.801

Nguồn: BCTC các năm 2013 – 2015 đã kiểm toán và BCTC bán niên 2016 đã được soát xét

9.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành, tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp.

9.1.5 Tình hình công nợ

➤ **Các khoản phải thu:**

Bảng 7: Các khoản phải thu của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
	Các khoản phải thu	64.497.745.561	37.047.900.866	95.594.609.022	27.258.601.032
1	Phải thu khách hàng	52.917.867.728	34.011.890.853	90.263.136.828	23.402.241.333
2	Trả trước cho người bán	8.969.787.764	1.806.461.180	4.003.291.430	3.657.332.933
3	Các khoản phải thu khác	3.413.577.609	1.761.911.083	1.916.456.314	891.707.466
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(803.487.540)	(532.362.250)	(588.275.550)	(692.680.700)

Nguồn: BCTC các năm 2013 – 2015 đã kiểm toán và BCTC bán niên 2016 đã được soát xét

➤ **Các khoản phải trả**

Bảng 8: Các khoản phải trả của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
I	Nợ ngắn hạn	653.381.782.726	381.312.905.756	401.065.027.355	426.128.678.259
1	Phải trả cho người bán	14.036.674.690	10.198.810.859	13.027.087.841	14.029.026.781
2	Người mua trả tiền trước	8.390.746.595	12.552.826.160	5.872.641.193	11.545.142.049
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.043.224.065	148.799.160	8.861.319.044	360.808.362
4	Phải trả người lao động	15.148.678.945	4.885.082.789	11.883.154.753	6.051.811.847
5	Chi phí phải trả	1.652.095.250	1.281.824.760	1.452.411.808	1.657.075.608
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.571.110.014	4.044.250.941	4.004.904.814	25.667.159.225
7	Vay và nợ ngắn hạn	590.002.106.475	339.965.786.395	350.556.370.347	358.896.611.432
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.537.146.692	8.235.524.692	5.407.137.555	7.921.043.555
II	Nợ dài hạn	7.000.000.000	6.725.580.500	7.328.346.500	7.007.156.292
2	Quỹ dự phòng phải trả dài hạn	7.000.000.000	6.725.580.500	7.328.346.500	7.007.156.292

Nguồn: BCTC các năm 2013 – 2015 đã kiểm toán và BCTC bán niên 2016 đã được soát xét

9.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 9: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2013– 2015 của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang

Chỉ tiêu	Đvt	2013	2014	2015
Chỉ số khả năng thanh toán				
Tỷ số thanh toán hiện thời (ngắn hạn)	lần	1,10	1,14	1,52
Tỷ số thanh toán nhanh	lần	0,70	0,16	0,65
Tỷ số thanh toán tiền mặt	lần	0,65	0,11	0,59
Vốn lưu động ròng	triệu đồng	62.719	52.815	210.072
Đánh giá hiệu quả hoạt động				
Vòng quay các khoản phải thu	vòng	46,21	40,50	33,66
Vòng quay các khoản phải trả	vòng	137,0	148,0	161,56
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	8,14	6,29	6,76
Số ngày các khoản phải thu	ngày	8	9	11
Số ngày các khoản phải trả	ngày	3	2	2
Số ngày hàng tồn kho	ngày	45	58	54
Chu trình lưu chuyển tiền mặt	ngày	50	65	63
Vòng quay Tổng tài sản	vòng	1,61	2,01	2,74
Vòng quay vốn lưu động	vòng	2,23	3,06	4,00
Vòng quay tài sản cố định	vòng	12,99	13,61	15,14
Vòng quay vốn chủ sở hữu	vòng	4,90	4,99	5,74
Đánh giá khả năng sinh lời				
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	161	201	274
Tỷ suất LN gộp/DT thuần	%	5,4	6,0	6,2
Tỷ suất LN HĐ SXKD/DT thuần	%	0,47	-0,01	2,21
Tỷ suất LN HĐ SXKD/Tổng tài sản	%	0,82	-0,01	5,83
Tỷ suất LN sau thuế/DT thuần	%	1,81	0,29	2,26
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3,14	0,71	5,98
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	8,9	1,5	12,4
Đánh giá khả năng quản lý công nợ				
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	184	112	107
Tổng nợ/Tổng Tài sản	%	64,7	52,9	51,6
Nợ dài hạn/Tổng Tài sản	%	0,69	0,92	0,93
Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	%	1,95	1,95	1,91
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	%	182	110	105

Nguồn: Tổng hợp BCTC các năm 2013 – 2015 đã kiểm toán của AGM.

10. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát

10.1. Hội đồng quản trị

Bảng 10: Danh sách thành viên HĐQT của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ (cp)		Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)	
			Đại diện	Cá nhân	Đại diện	Cá nhân
1	Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT	2.032.785	102.200	11,17	0,56
2	Cao Minh Lâm	Thành viên HĐQT		83.700		0,46
3	Nguyễn Thanh Sử	Thành viên HĐQT		-	6,78	-
4	Chu Thị Phương Anh	Thành viên HĐQT	3.093.765-	-	17,00-	-
5	Đình Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT	-	-	-	-

10.2. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng 11: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ (cp)		Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)	
			Đại diện	Cá nhân	Đại diện	Cá nhân
1	Đình Thị Lan Phương	Tổng Giám Đốc	-	-	-	-
2	Võ Thanh Bào	Phó TGD		31.000		0,17
3	Huỳnh Thanh Tùng	Kế toán trưởng		24.300		0,13

10.3. Ban kiểm soát

Bảng 12: Danh sách Ban kiểm soát của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ (cp)		Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)	
			Đại diện	Cá nhân	Đại diện	Cá nhân
1	Trần Hữu Hiệp	Trưởng BKS	-	10	-	-
2	Võ Văn Ngọc	Thành viên	-	350	-	-
3	Đỗ Ngọc Yến	Thành viên	-	-	-	-

Nguồn: AGM

11. Tài sản

Giá trị TSCĐ chủ yếu tại 30/06/2016 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang như sau:

Bảng 13: Giá trị TSCĐ chủ yếu tại 30/06/2016 của CTCP Xuất nhập khẩu An Giang

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	TSCĐ hữu hình	251.601.554.505	(125.698.006.222)	125.903.548.283
2	TSCĐ vô hình	29.903.801.746	(114.424.167)	29.789.377.579
	Tổng cộng	281.505.356.251	(125.812.430.389)	155.692.925.862

Nguồn: BCTC Bán niên 2016 đã được soát xét

Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang đang sử dụng và quản lý các mảnh đất sau:

Stt	Số GCNQSDĐ/HĐ	Địa chỉ	Tờ bản đồ	Thửa số	Diện tích đất (m ²)	Thời gian sử dụng	Mục đích sử dụng đất
I	Đất sở hữu						
1	AL 704411	Số 01 Ngô Gia Tự, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang	6	176	230,00	Lâu dài	Đất sản xuất kinh doanh
2	AG 314600	Số 15/6 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang	7	76	453,00	Lâu dài	Đất sản xuất kinh doanh
3	BA 323833	17/2H Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang	7	75	138,90	Lâu dài	Đất sản xuất kinh doanh
4	BA 673716	P.Mỹ Quý, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang	7	74	49,80	Lâu dài	Đất sản xuất kinh doanh
5	BC 753018	P.Vĩnh Mỹ, Thị xã Châu Đốc, Tỉnh An Giang	36	126	499,80	Lâu dài	Đất sản xuất kinh doanh
6	AC 073267	Áp Phú Hiệp, Thị trấn Chợ Vàm, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	5	21	198,40	Lâu dài	Đất sản xuất kinh doanh
7	BK474733	Số 137, Trần Bình Trọng, P.2, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	14	146	134,00	Lâu dài	Đất sản xuất kinh doanh
8	BR626016	Đường Nguyễn Huệ, Áp Bắc Sơn, TT.Núi Sập, H.Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	15	1	2.863,30	Lâu dài	Đất sản xuất kinh doanh
9	BE 565435	Áp Bình Thành, Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	34	74	100,00	Lâu dài	Đất sản xuất kinh doanh
10	BK 065270; BK065269	Xã Diểu, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	24	3	24.631,20	Từ ngày 30/10/2013 Đến 05/04/2060	Đất sản xuất kinh doanh

11	BE 565296	Thị trấn Cái Dầu, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	34	74	317,60	Lâu dài	Đất sản xuất kinh doanh
12	BK 065805	Ấp Hà Bao 2, Xã Đa Phước, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	30	211	497,40	Lâu dài	Đất sản xuất kinh doanh
13	BK 065804	Ấp Hà Bao 2, Xã Đa Phước, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	30	210	1.010,90	Từ 04/02/2013 Đến 19/06/2062	Đất sản xuất kinh doanh
14	BK 065802	Ấp Hà Bao 2, Xã Đa Phước, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	30	27	240,10		Đất sản xuất kinh doanh
15	BK 065803	Ấp Hà Bao 2, Xã Đa Phước, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	30	28	1.552,30		Đất sản xuất kinh doanh
II. Đất thuê trả tiền hàng năm							
1	Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 11/04/2008 (AM 253 997)	Số 06 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang			121,00	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh
2	Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 11/04/2008 (AM 253 998)	Số 207 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang			117,60	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh
3	Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 07/02/2007 (AĐ 488 400 AĐ 488 399)	Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang			19.930,70	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh
4	Quyết định 42/HĐ.TĐ ngày 30/05/2012 (AM 800 447)	Phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang			4.032,60	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh

5	Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 02/08/2013 (BE 451 931)	Số 3/5 ấp Tây Thạnh, khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang			486,80	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh
6	Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 02/11/2007 (AM 121 930)	Khóm Châu Long 2, phường Châu Phú B, thị xã Châu Đốc, Tỉnh An Giang			2.437,20	47 năm	Đất sản xuất kinh doanh
7	Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 18/05/2007 (AI 115 571)	Ấp Phú Hiệp, Thị trấn Chợ Vàm, Huyện Phú Tân, An Giang			2.099,10	48 năm	Đất sản xuất kinh doanh
8	Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 18/05/2007 (AI 115 570)	Xã An Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang (Kho Đồng Lợi)			2.603,90	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh
9	Quyết định số 2467/QĐ.CT.ND ngày 01/12/2003 (Đ 300 955)	Ấp Bình Thạnh 1, xã Hoà An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang			4.773,70	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh
10	Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 22/01/2008 (AL 614 804)	Ấp Bình Thành, Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang			911,30	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh
11	Quyết định số 113/QĐ.CT.UB ngày 18/01/2005 (AB 264 432)	Ấp Long Phú, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang			3.471,30	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh

12	Quyết định số 1513/QĐ.CT.UB ngày 09/08/2004 (AC 436 028 AC 436 029)	TT Cái Dầu, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang			1.815,80	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh
13	Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 02/11/2007 (AI 242 669)	Ấp Hoà Bình, xã Hoà Lạc, huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang			3.205,30	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh
14	Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 26.04 2005 (AC 436 030)	Ấp Tây sơn, TT Núi Sập, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang			7.233,00	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh
15	Quyết định số 1515/QĐ.CT.UB ngày 09/08/2004 (AB 264 429)	Ấp Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang			3.305,10	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh
16	Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 02/11/2007 (AM 12931)	Ấp Hà Bao 2, Xã Đa Phước, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang			4.886,00	48 năm	Đất sản xuất kinh doanh
17	Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 19/06/2012 (BK 065806)	Ấp Hà Bao 2, Xã Đa Phước, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang			3.410,30	50 năm	Đất sản xuất kinh doanh
Tổng cộng					112.243,7		

Nguồn: AGM

12. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty:

Không có

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC CHÀO BÁN CẠNH TRANH CỔ PHẦN

1. Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được chào bán

- Cổ phần chào bán : **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Số lượng cổ phần chào bán : **5.126.550** cổ phần
- Phương thức chào bán : Chào bán cạnh tranh
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng
- Giá khởi điểm chào bán cạnh tranh : **19.000 đồng/cổ phiếu**
- Bước giá : 100 đồng
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân được đăng ký mua tối thiểu : 20.000 cổ phần
- Bước khối lượng : 10 cổ phần
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân được đăng ký mua tối đa : 5.126.550 cổ phần
- Thời gian phát/tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia đợt chào bán và phát Phiếu tham dự đợt chào bán : Theo Quy chế chào bán cạnh tranh cổ phần của SCIC tại AGM do MBS ban hành
- Địa điểm và thủ tục đăng ký tham gia đợt chào bán cạnh tranh : Theo Quy chế chào bán cạnh tranh cổ phần của SCIC tại AGM do MBS ban hành
- Thời gian nhận phiếu đăng ký mua : Theo Quy chế chào bán cạnh tranh cổ phần của SCIC tại AGM do MBS ban hành
- Thời gian và địa điểm tổ chức đợt chào bán cạnh tranh : Theo Quy chế chào bán cạnh tranh cổ phần của SCIC tại AGM do MBS ban hành

2. Mục đích của việc chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phần nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà không cần giữ cổ phần. Việc chào bán cổ phần chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

3. Địa điểm công bố thông tin

Thông tin cụ thể liên quan đến việc chào bán cạnh tranh được công bố tại:

- ✚ **Công ty Cổ phần Chứng khoán MB**
 - Tại website: www.mbs.com.vn
- ✚ **Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước**
 - Tại website: www.scic.vn
- ✚ **Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang**
 - Tại website: www.angimex.com.vn

4. Điều kiện tham gia vào đợt chào bán cạnh tranh cổ phần của SCIC, các quy định liên quan và phương án tổ chức

4.1. Điều kiện tham gia đợt chào bán

- Đối tượng tham gia chào bán: là tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp tại Việt Nam, cụ thể:
 - ❖ **Nhà đầu tư trong nước:** là cá nhân người Việt Nam, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.
 - ❖ **Nhà đầu tư nước ngoài:** ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.
 - ❖ **Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư:** Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.
- Có Đơn đăng ký tham gia đợt chào bán theo đúng mẫu và nộp Đơn đăng ký tham gia đợt chào bán đúng thời hạn quy định. (Mỗi đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ được phép nộp duy nhất 01 Đơn đăng ký tham gia đợt chào bán trong một đợt tổ chức chào bán).
- Đăng ký mua cổ phần với số lượng mua trong giới hạn quy định tại Quy chế chào bán cạnh tranh cổ phần, tối thiểu là 20.000 cổ phần và tối đa là 5.126.550 cổ phần.
- Đặt cọc 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm chào bán. Tiền đặt cọc không được hưởng lãi.
- Những người sau đây không được tham gia đợt chào bán:
 - ❖ Thành viên SCIC trừ các thành viên là đại diện doanh nghiệp;

- ❖ Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh;
- ❖ Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc chào bán;
- ❖ Các công ty con của Công ty cổ phần AGM;
- ❖ Công ty có cùng công ty mẹ với Công ty cổ phần AGM.

4.2. Nộp Đơn đăng ký tham gia đợt chào bán

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký tham gia đợt chào bán và nộp tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình:

- ❖ **Đối với cá nhân trong nước:**
 - Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc hộ chiếu, trường hợp nhận ủy quyền, phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc mẫu đính kèm quy chế này.
 - Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.
- ❖ **Đối với tổ chức trong nước:**
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương;
 - Giấy ủy quyền cho đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức;
 - Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.
- ❖ **Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài:**
 - Hộ chiếu hoặc mã số kinh doanh chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp.
 - Giấy xác nhận của Ngân hàng nhà nước về việc mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
 - Giấy ủy quyền (nếu có);
 - Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

4.3. Quy định về ủy quyền đăng ký và tham dự đợt chào bán của nhà đầu tư

Một người chỉ được nhận ủy quyền của duy nhất một người ủy quyền khác khi đăng ký và tham dự đợt chào bán.

Trường hợp nhà đầu tư tham gia chào bán với tư cách cá nhân, đồng thời lại là người đại diện theo pháp luật và/hoặc nhận ủy quyền của người khác tham gia chào bán với tư cách của người khác đó thì khi tham dự chào bán bắt buộc phải có thêm cam kết bằng văn bản của các bên liên quan về việc không phân đối người đại diện theo pháp luật và/hoặc người được ủy quyền tham gia chào bán với

tất cả các tư cách khác nhau trong cuộc chào bán và tự nguyện chấp nhận những xung đột lợi ích xảy ra (nếu có) sau khi có kết quả chào bán.”

4.4. Lập và nộp Phiếu tham dự đợt chào bán

- Phiếu tham dự đợt chào bán hợp lệ là:
 - + Phiếu do Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh cấp và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; Phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát; Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá quy định; Tổng số cổ phần đặt mua bằng tổng số cổ phần đăng ký;
 - + Phiếu tham dự đợt chào bán phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định;
 - + Nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được coi là có giá trị.
- Bỏ Phiếu tham dự chào bán kín theo đúng thời hạn quy định.

5. Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần

Ngay sau khi có kết quả chào bán, kết quả chào bán sẽ được thông báo tại các địa điểm công bố thông tin và trên cổng thông tin điện tử www.mbs.com.vn và www.scic.vn để các Nhà đầu tư được biết, làm cơ sở để các bên phối hợp, triển khai các thủ tục chuyển nhượng, liên quan tới Tổ chức chào bán cổ phần và Tổ chức phát hành.

VI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia vào đợt chào bán cạnh tranh của SCIC cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp... cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, đảm bảo các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, tỷ lệ sở hữu, chào mua công khai phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này và các nguồn thông tin có liên quan khác trước khi quyết định tham gia mua cổ phần.


Trân trọng cảm ơn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng.....năm 2016

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
AN GIANG
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐINH THỊ LAN PHƯƠNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *TL*

LÊ THÀNH NAM

TL